

Dàn ý chi tiết tác phẩm Vợ nhặt

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Đôi nét về Kim Lân

– Kim Lân (1920 – 2007). Trước CMT8: Ông chủ yếu viết về nông thôn, đề tài người nông dân. Sau CMT8: Làm báo, viết văn. Một số tác phẩm tiêu biểu: Nên vợ nên chồng (1955), Con chó xấu xí (1962)...

– Phong cách sáng tác: Cây bút chuyên viết truyện ngắn, chủ yếu viết về đề tài nông thôn, người nông dân.

2. Đôi nét về “Vợ nhặt”

– Hoàn cảnh sáng tác: Truyện Vợ nhặt có tiền thân là tiểu thuyết Xóm ngụ cư – tác phẩm được viết ngay sau Cách mạng tháng Tám nhưng còn dở dang và bị mất bản thảo. Hoà bình lập lại (1954), dựa trên một phần cốt truyện cũ, Kim Lân đã viết truyện Vợ nhặt.

– Xuất xứ: Tác phẩm được in trong tập Con chó xấu xí (1962).

3. Tóm tắt truyện “Vợ nhặt”

Truyện lấy bối cảnh là nạn đói năm 1945. Tràng – một thanh niên nghèo, lại là dân ngụ cư, trong một lần đẩy hàng đã tình cờ có được vợ. Cô vợ nhặt đã tình nguyện theo Tràng chỉ sau một câu nói đùa và bốn bát bánh đúc. Tràng đưa “thị” về giữa cảnh đói khát đang tràn đến xóm ngụ cư. Bà cụ Tứ thấy con có vợ thì vừa mừng vừa tủi cho thân phận nghèo khó của mình và thương con, thương nàng dâu đói khổ. Họ sống với nhau trong cảnh đói nghèo nhưng hạnh phúc và tin rằng: Việt Minh về làng, họ sẽ đi phá kho thóc Nhật, lấy lại thóc gạo để cứu sống mình.

4. Ý nghĩa nhan đề

– Nhan đề gợi tình huống éo le, kích thích trí tò mò người đọc. Thông thường, người ta có thể nhặt thứ này, thứ khác, chứ không ai “nhặt” “vợ”. Bởi dựng vợ gả chồng là việc lớn, thiêng liêng, có ăn hỏi, có cưới xin theo phong tục truyền

thống của người Việt, không thể qua quýt, coi như trò đùa. – “Vợ nhặt” là điều trái khoáy, oái ăm, bất thường, vô lí. Song thực ra nó lại rất có lí. Vì đúng là anh Tràng đã nhặt được vợ thật. Chỉ một vài câu bông đùa của Tràng mà có người đã theo về làm vợ. Điều này đã thực sự khiến một việc nghiêm túc, thiêng liêng trở thành trò đùa và ngược lại, điều tưởng như đùa ấy lại chính là sự thực. Từ đây, bản thân nhan đề tự nó đã gợi ra cảnh ngộ éo le, sự rẻ rúng của giá trị con người. Chuyện Tràng nhặt được vợ đã nói lên tình cảnh thê thảm và thân phận tủi nhục của người nông dân nghèo trong nạn đói khủng khiếp năm 1945.

II. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tình huống truyện

– Tình huống truyện : Anh Tràng vừa nghèo, vừa xấu lại là dân ngụ cư thế mà lấy được vợ ngay giữa lúc đói khát, ranh giới giữa sự sống và cái chết hết sức mong manh.

– Tình huống lạ, độc đáo : người như Tràng mà lấy được vợ, thậm chí có vợ theo ! Thời buổi đói khát này, người như Tràng nuôi thân chẳng xong mà dám lấy vợ ! Chẳng phải thế mà việc Tràng có vợ đã tạo ra sự lạ lùng, ngạc nhiên với tất cả mọi người trong xóm ngụ cư, với bà cụ Tứ, thậm chí đã có những thời điểm chính Tràng cũng chẳng thể nào tin được vào điều đó.

– Tình huống truyện không chỉ tạo ra một hoàn cảnh “có vấn đề” cho câu chuyện mà còn nén trong đó ý đồ nghệ thuật của nhà văn đồng thời gợi mở các khía cạnh giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm.

2. Nhân vật

2.1. TRÀNG

*Tràng là người dân lao động nghèo, “nhặt” được vợ trong thời buổi đói khát:

– Bản thân anh là dân ngụ cư, dân ăn nhờ, ở đậu.

– Tràng sống với mẹ già trong một căn nhà xiêu vẹo trên bãi đất hoang mọc lổn nhón những bụi cỏ dại.

->Hoàn cảnh xuất thân : khó lấy được vợ.

– Tuy nhiên, giữa cái khung cảnh tối sẫm lại vì đói khát, Tràng bỗng nhiên “nhặt” được vợ.Cuộc gặp gỡ giữa Tràng và người đàn bà không tên diễn ra thật chóng vánh chỉ qua hai lần gặp mà chỉ gặp ở đường và chợ để rồi “nên vợ, nên chồng”:

+ Lần gặp thứ nhất : Trên đường kéo xe thóc lên tỉnh, Tràng hò chơi cho đỡ mệt “Muốn...”. Không ngờ, thị ra đẩy xe cho anh và còn liếc mắt cười tí nữa. Tràng thích lắm vì từ khi cha sinh mẹ đẻ đến giờ mới có một người con gái cười với hẳn tình tứ đến như thế.

+ Lần gặp thứ 2, ở quán nước ngoài chợ. Ban đầu, Tràng không nhận ra vì thị khác quá, trên khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn hai con mắt. Khi nhận ra rồi, trong lời đáp “ăn gì thì ăn, chả ăn giàu” Tràng sẵn sàng đãi thị bốn bát bánh đúc. Trong bối cảnh mà người ta lo thân không xong, ai cũng đứng trên miệng vực thẳm của cái chết hành động mà Tràng đãi thị bốn bát bánh đúc chứng tỏ rằng Tràng là một người khá tốt bụng và cởi mở. Chính sự tốt bụng và cởi mở của Tràng đã đem đến cho Tràng hạnh phúc, Tràng nói đùa với thị “Này ... rồi cùng về”, nhưng thị đã theo Tràng về thật. Khi quyết định “đèo bồng” Tràng cảm thấy “chợn” nhưng “chật kê”

* Niềm hạnh phúc khi có vợ :

– Tràng khi đưa vợ về qua xóm ngụ cư : tâm trạng của anh hôm nay phấn phở, cười tùm tùm, hai con mắt thì sáng lên lấp lánh, trước ánh mắt nhìn đầy tò mò và ngạc nhiên của người dân trong xóm, trước những lời xì xào bàn tán của người dân trong xóm, Tràng rất hãnh diện, rất đắc ý, mặt cứ vênh lên như thể chứng tỏ với mọi người- Tràng đã có vợ.

– Tràng khi đưa vợ về đến nhà : Hành động: xăm xăm nhác tẩm phen rách ra và câu nói “Không có người đàn bà nhà cửa ra thế đây” ta hiểu rằng có vợ rồi người đàn ông ăn nói cục cằn kia bỗng văn hóa hẳn lên. Ánh mắt của anh đã để ý đến cô vợ nhặt và thắc mắc với lòng mình “Quái, sao nó lại buồn thế nhỉ?” Tràng sốt ruột mong ngóng mẹ về để còn ra mắt cô vợ nhặt.Khi mẹ về, sau lời

giới thiệu, Tràng cũng hồi hộp, lo lắng đợi chờ câu trả lời của mẹ, và chỉ khi người mẹ nói “Các con phải duyên phải kiếp với nhau u cũng mừng lòng” Tràng mới thở đánh phào một cái.

Có thể nói, Kim Lân đã rất chú ý miêu tả diễn biến tâm trạng của Tràng từ khi có vợ. Có rất nhiều lần Kim Lân nhắc đến nụ cười của Tràng để nhấn mạnh đến niềm khát khao hạnh phúc, khát khao mái ấm gia đình để thách thức với cái đói đang tung lưới bủa vây.

– Tràng trong buổi sáng ngày hôm sau :

+ Tràng thấy mình như bước ra từ một giấc mơ, trong người “êm ái lửng lơ”.

+ Trước mặt anh mọi thứ đều thay đổi: nhà cửa sân vườn hôm nay đều được quét tước sạch sẽ; mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt ở góc nhà đã thấy đem ra sân hong; hai cái ang nước vẫn để khô cong dưới gốc cây ôi giờ đã kín nước đầy ăm ắp. Rõ ràng những cảnh tượng rất đổi bình thường ấy cũng đã làm cho anh cảm động, hạnh phúc với anh thật giản dị.

+ Từ buổi sáng đó, anh mới thấy mình nên người. Anh nghĩ đến tương lai, đến sự sinh sôi nảy nở của hạnh phúc để rồi vui sướng, phấn chấn tràn ngập trong lòng.

+ Và người vợ nhặt của Tràng hôm nay cũng khác lắm – đó là một người đàn bà hiền hậu, đúng mực, không có vẻ gì chao chát, chỏng lỏn nữa.

+ Tràng thấy “thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đấy. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này”. Nguồn vui ấy như tia nắng, như ánh bình minh đem sinh khí đến cho cuộc sống vốn đang ngập tràn sự chết chóc của cái đói tung lưới bủa vây.

+ Và trong bữa cơm đầu tiên, bữa cơm của 3 con người đang khốn khổ vì cái đói,

tràn ngập sự đầm ấm, hoà hợp.

– Hình ảnh khép lại tác phẩm trong óc Tràng là hình ảnh lá cờ đỏ và đoàn người đi trên đê Sộp, gọi cho người đọc nghĩ về Việt Minh, về Cách mạng tháng Tám vĩ đại, về sự vùng dậy của những người dân khốn khổ, đập tan xiềng xích, giành lại cơm áo, giành lại sự sống cho bản thân, giành lại độc lập tự do cho dân tộc. Vì thế, kết thúc của tác phẩm đã gieo vào lòng người đọc một niềm tin mãnh liệt, gieo một hạt giống hi vọng mãnh liệt vào tâm hồn Tràng, gia đình anh và tất cả bạn đọc chúng ta.

2.2. THI - NGƯỜI VỢ NHẬT

– Cũng giống như Tràng, khung cảnh Kim Lân để cho nhân vật này xuất hiện là một không gian tối tăm vì đói khát. Cũng giống như bao người khác, thị ngồi vêu cùng với mấy chị em gái nơi cửa nhà kho. Chị không có tên, không tuổi tác, không cha mẹ, không gia đình... một con số không tròn trĩnh đang bao trùm lên lá số tử vi của chị. Cái đói đã cướp đi của thị tất cả.

– Khi chưa theo Tràng về làm vợ cái đói đã để lại “dấu tích” ghê gớm trên dáng hình và tính cách của chị:

+ Lần gặp thứ nhất: có vẻ táo tợn, ăn nói mạnh mẽ “Có khối com trắng mấy giò mà ăn đấy! “Này nhà tôi ơi! Nói thật hay nói khoác đấy”

+ Lần gặp thứ 2: chân dung của thị khiến Tràng không nhận ra, gầy (dẫn chứng)...Thị cong cớn trong lời nói, vô duyên trong hành động “sà xuống đánh... cắn đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc... ăn xong cầm đôi đũa quệt ngang miệng, thở: Hà ngon! Về chị thấy hụt tiền thì bỏ bố”. Tuy nhiên, ẩn đằng những lời nói và hành động ấy là khát vọng về hạnh phúc và sự sống.

– Kim Lân không có ý chê bai người vợ nhật kia, dù thực tế cũng có những người phụ nữ không đẹp. Điều mà nhà văn muốn nhấn mạnh ở đây là: sức hủy hoại khủng khiếp của cái đói đối với hình hài và tính cách của con người. Vì đói mà thị cố tạo ra cái vẻ cong cớn, chao chát, chông lỏn như là để thách thức với số phận. Vì đói mà thị quên đi cả sĩ diện của mình, quên đi cả lòng tự trọng theo không một người đàn ông về làm vợ trong khi chẳng biết tí gì về anh ta. Vì đói mà thị đánh liều nhắm mắt đưa chân, đánh liều với hạnh phúc cả đời mình. Thị

thật đáng thương. Nhưng đằng sau sự liễu lĩnh ấy của thị, người đọc hiểu rằng, thị là người có ý thức bám lấy sự sống mãnh liệt.

– Miêu tả nhân vật thị, Kim Lân không chú trọng nhiều đến diễn biến tâm trạng bên trong mà Kim Lân chú ý nhiều đến hành động:

+ Thị bước sau Tràng chừng 3-4 bước, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che đi nửa mặt, mặt cúi xuống, chân nọ bước dúi cả vào chân kia. Thị đã ý thức được về bản thân, cái dáng cúi mặt kia phải chăng đó là sự tủi phận

+ Về đến nhà, trông nếp nhà rọ rọ của Tràng, thị nén tiếng thở dài, tiếng thở dài chấp nhận bước vào cuộc đời của Tràng.

+ Hành động khép nép, tay vịn vè tà áo khi đứng trước mặt bà cụ Tứ, thị thật đáng

thương

– Tuy nhiên, ở sâu thẳm bên trong con người này vẫn có một niềm khát khao mái ấm gia đình thực sự. Thị đã trở thành một con người hoàn toàn khác khi là một người vợ trong gia đình. Hạnh phúc đã làm cho thị thay đổi từ một người phụ nữ công cốc, đánh đá bỗng trở thành một người đàn bà hiền hậu đúng mực, mái ấm gia đình đã đủ sức mạnh làm thay đổi một con người.

– Hình tượng chị vợ nhật thể hiện rất rõ tư tưởng nhân đạo của Kim Lân

+ Một mặt nhà văn đã lên án tội ác dã man của phát xít Nhật và TDP. Nạn đói do chúng gây ra đã cướp đi mọi giá trị của con người, và biến người con gái như một thứ đồ rẻ rúng có thể nhật được

+ Mặt khác vợ Tràng đã nói lên một sự thật ở đời đó là trong đói khổ, hoạn nạn, kề bên cái chết nhưng con người vẫn khát khao được sống, vẫn sống ngay khi cả cuộc đời không thể chịu được nữa. Những con người nghèo khổ vẫn thương yêu đùm bọc, và cùng nhau vun đắp hạnh phúc để vượt qua những thử thách khắc nghiệt.

2.3. BÀ CU TỬ

– Nhà văn Kim Lân tâm sự: “ Phần gây xúc động lớn nhất cho tôi khi đọc lại truyện ngắn Vợ nhặt đó là đoạn bà cụ Tứ- mẹ Tràng trở về”. Thông điệp nghệ thuật về bản chất nhân đạo trong tâm hồn người Việt ở hình tượng nhân vật bà cụ Tứ đã được Kim Lân thể hiện thành công qua diễn biến tâm trạng của người mẹ nghèo ấy khi nhìn thấy chị vợ nhặt xuất hiện trong nhà mình cho đến buổi sáng ngày hôm sau.

– Ngạc nhiên và bất ngờ là tâm trạng đầu tiên ở người mẹ nghèo khi lật đật theo con từ ngõ vào nhà. Từ trước đến giờ có bao giờ Tràng mong ngóng mẹ về đến thế đâu, nhất định là phải chuyện gì quan trọng, khác thường. Chân bước theo con nhưng lòng bà đang phấp phỏng. Rồi “đứng sững lại” khi bà nhìn thấy một người phụ nữ đứng ở đầu giường con trai bà , mà lại chào bà bằng u. Ngạc nhiên đã làm cho bà lão không còn tin vào cảm giác của bà nữa, tự dưng bà lão thấy mắt mình nhoèn đi thì phải. Nhưng thực sự mắt bà không nhoèn, và tai bà cũng không đến mức điếc lác như chị vợ nhặt nghĩ ban đầu. Bà chưa thể tin, không thể tin rằng con mình lại có người theo và lại chưa bao giờ hình dung nhận dâu trong một tình cảnh trớ trêu, tội nghiệp đến thế.

– Bà lão cúi đầu nín lặng, đằng sau cái cúi đầu nín lặng ấy là dòng cảm xúc tuôn trào, là cơn bão lòng đang cuộn xoáy với tình thương con vô bờ bến. Bây giờ thì bà không chỉ biết sự việc “Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ạ” như lời Tràng thưa gửi mà bà còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp của con trai mình. Bà tủi thân, tủi phận, bà so sánh người ta với mình “người ta dựng vợ gả chồng cho con những lúc nhà ăn lên làm nổi, còn mình thì...”. Bà lão chua chát, tự trách bản thân mình, càng thương con bao nhiêu bà lại càng tủi phận bấy nhiêu. Bà lão đã khóc, những giọt nước mắt hiếm hoi của người già dưới ngòi bút nhạy cảm của Kim Lân đã gieo vào lòng người đọc biết bao thương xót, tủi buồn.

Bà đã chấp nhận nàng dâu không phải chỉ bằng tình mẫu tử mà lớn hơn đó là tình người, là sự cảm thông với chị vợ nhặt từ cái nhìn của người cùng giới, cùng là phụ nữ. Câu nói đầu tiên mà bà cụ Tứ dành cho chị vợ nhặt “Ừ thôi các

con phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng”, lời nói của bà như trút đi biết bao gánh nặng tâm trạng đang đè nặng trong Tràng, lời nói ấy như một sự chiêu tuyết cho giá trị của cô vợ nhặt. Câu nói ấy của bà làm cuộc hôn nhân của Tràng và thị không còn là chuyện nhặt nhau ở đường và chợ nữa mà là duyên phận. Cách nói giản dị mà chan chứa tình người quả thực đã làm ấm lòng những số phận tội nghiệp. Thị và Tràng dường như cũng sẽ ấm lòng hơn khi kinh nghiệm của một người mẹ từng trải nói “ai giàu ba họ, ai khó ba đời”. Bà động viên an ủi con trai và con dâu cùng nhau bước qua khó khăn đói khổ trước mắt mà lòng đầy thương xót.

– Nhưng sau những lời động viên ấy ta lại thấy Kim Liên để nhân vật bà cụ Tứ quay về với chính cuộc đời mình để mà lo lắng cho hạnh phúc thực tại của hai con. Điều mà bà lo không phải là “sự hợp nhau hay không hợp nhau” giữa hai người mà điều mà người mẹ ấy lo lắng đó là, cái đói đang đe dọa hạnh phúc của con bà. Trong bóng tối, bà nghĩ về cuộc đời dài đằng đặc của đời mình, cuộc đời của những người thân để mà thấu hiểu, thương xót rồi “nghẹn lời” chỉ có dòng nước mắt chảy xuống rờn rờn.

– Hạnh phúc mới của con làm bà cụ Tứ được vui lây, bà động viên an ủi các con, nghĩ về một tương lai tươi sáng phía trước:

+ Khuôn mặt của bà nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, bà xăm xắn quét dọn, giã những búi cỏ dại nham nhở trong vườn, thu dọn nhà cửa cho quang quẻ với hy vọng đời sẽ có cơ khấm khá.

+ Trong bữa ăn đầu tiên, mâm cơm ngày đói sao thảm hại: chỉ có một lùm rau chuối thái rối, một đãi muối, một niêu cháo lũng bõng toàn nước và món chính là chè khoán – cháo cám nhưng không khí gia đình thật ấm áp, tình chồng vợ, tình mẹ con- những nguồn động lực lớn lao ấy giúp họ tăng thêm sức mạnh để vượt qua thực tại.

+ Bà cụ Tứ toàn nói chuyện của tương lai, toàn chuyện vui, chuyện sung sướng về sau. Bà lão bàn với con tính chuyện nuôi gà, ngoảnh đi ngoảnh lại sẽ có đàn gà cho mà xem. Câu chuyện của bà lão bất giác làm cho ta nhớ lại bài ca dao

miền Trung- mười cái trứng. Cũng giống như tất cả những người bình dân xưa, bà lão đang gieo vào lòng các con bà niềm lạc quan, niềm tin và hi vọng. Từ đàn gà mà có tất cả. Khát vọng sống bật lên ngay cả trong hoàn cảnh khốn cùng nhất “chớ than phận khó ai ơi- Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây”.

– Song niềm vui của bà cụ Tứ cũng thật tội nghiệp. Miếng cháo cám đắng chát và tiếng trống thúc thuế dồn dập vội vã đưa bà cụ Tứ trở về với thực tại với tiếng nói xen lẫn cả hơi thở dài trong lo lắng: “Đặng thì nó bắt giồng đay, đặng thì nó bắt đóng thuế. Giời đất này không chắc đã sống được qua được đâu các con ạ”! Và bà lại khóc, tình thương con lại hiện hình qua những giọt nước mắt lặng lẽ tuôn rơi.

Với sự thấu hiểu, với sự đồng cảm, Kim Lân đã dựng lên hình ảnh bà cụ Tứ- người mẹ thương con, nhân hậu, bao dung. Trong hoàn cảnh đói nghèo, bà vẫn dang rộng cánh tay đón nhận người con dâu mặc dù trong lòng còn nhiều xót xa, tủi cực, vẫn gieo vào lòng các con ngọn lửa sống trong hoàn cảnh tối tăm của xã hội lúc bấy giờ.

3. GIÁ TRỊ HIỆN THỰC VÀ NHÂN ĐẠO

3.1. Giá trị hiện thực:

- Truyện đã dựng lại một cách chân thực những ngày tháng bi thảm trong lịch sử dân tộc, đó là khoảng thời gian diễn ra nạn đói năm 1945 :
- + Cái chết đeo bám, bủa vây khắp mọi nơi.
- + Dòng thác người đói vật vờ như những bóng ma.
- + Cái đói đã tràn đến xóm ngụ cư từ lúc nào.
- + Âm thanh của tiếng quạ gào lên từng hồi thê thiết.
- + Xóm ngụ cư, với những khuôn mặt hốc hác, u tối.
- + Cái đói hiện lên trong từng nếp nhà rúm ró, xẹo xệch, rách nát.
- + Cái đói hiện hình trên khuôn mặt của chị vợ nhặt.
- + Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại.

- Truyện phơi bày bản chất tàn bạo của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã gây ra nạn đói năm 1945.
- Tuy nhiên, còn có một hiện thực được phản ánh trong tác phẩm: hiện thực mang tính xu thế, đó là tấm lòng của người dân khi đến với cách mạng.

3.2. Giá trị nhân đạo

- + Thái độ đồng cảm xót thương với số phận của người lao động nghèo khổ.
- + Lên án tội ác dã man của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã gây ra nạn đói khủng khiếp.
- + Trân trọng tấm lòng nhân hậu, niềm khao khát hạnh phúc bình dị những người lao động nghèo.
- + Dự báo cho những người nghèo khổ con đường đấu tranh để đổi đời, vươn tới tương lai tươi sáng.

III. TỔNG KẾT

1. Nghệ thuật

- Xây dựng tình huống truyện độc đáo.
- Lối trần thuật tự nhiên, hấp dẫn làm nổi bật sự đối lập giữa hoàn cảnh và tính cách nhân vật.
- Tạo không khí và dựng thoại rất hấp dẫn, ấn tượng.
- Nhân vật được khắc họa sinh động đặc biệt là ngòi bút miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế.
- Ngôn ngữ : Bình dị, đời thường nhưng có chất lọc kỹ lưỡng, có sức gợi và đậm chất Bắc Bộ.

2. Chủ đề

Qua truyện “Vợ nhặt”, Kim Lân muốn khẳng định : trong những hoàn cảnh khó khăn nhất, ngay cả khi cái chết liền kề, những người dân lao động nghèo khổ, lương thiện vẫn yêu thương, đùm bọc lấy nhau, vẫn khát khao mái ấm hạnh phúc gia đình và hy vọng vào một cuộc sống mới tốt đẹp hơn.